

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dân quân tự vệ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dân quân tự vệ.

Điều 2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Quyết định này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước.

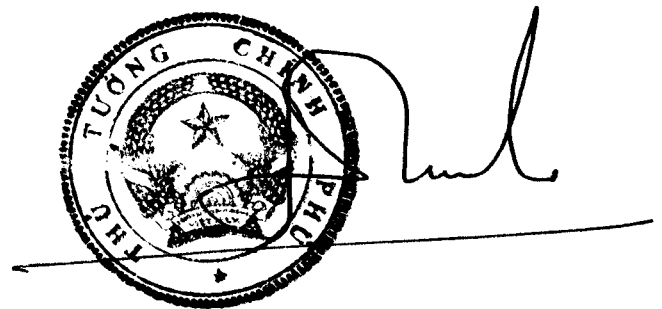
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (5b). N 240

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Dân quân tự vệ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 289/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Xác định trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương triển khai thi hành Luật Dân quân tự vệ, bảo đảm đồng bộ, đạt kết quả thiết thực.

2. Yêu cầu:

a) Các Bộ, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia phối hợp phải tích cực, chủ động triển khai thực hiện kế hoạch, bảo đảm tiến độ và chất lượng sản phẩm.

b) Phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các Bộ, ngành, địa phương, giải quyết kịp thời các vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch.

II. NỘI DUNG

A. Tuyên truyền, phổ biến Luật Dân quân tự vệ

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao trách nhiệm, thống nhất nhận thức cho đội ngũ cán bộ các cấp, lực lượng dân quân tự vệ và nhân dân về Luật Dân quân tự vệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Dân quân tự vệ.

2. Phân công:

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Quốc phòng.

b) Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, các cơ quan thông tấn, báo chí, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp.

3. Thời gian thực hiện: trong năm 2010 và năm 2011.

B. Xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Dân quân tự vệ

1. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về dân quân tự vệ:

a) Nội dung:

Các Bộ, ngành và địa phương tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, thống kê những văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ để phù hợp với Luật Dân quân tự vệ. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Thời gian hoàn thành: tháng 6 năm 2010.

c) Cơ quan chủ trì: các Bộ, ngành, địa phương.

2. Xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Dân quân tự vệ:

a) Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thực hiện Luật Dân quân tự vệ:

- Nghị định này quy định chi tiết khoản 3 Điều 19, khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 45, khoản 5 Điều 46, khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 51, khoản 4 Điều 52 Luật Dân quân tự vệ. Quy định về đào tạo cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã; bồi dưỡng cán bộ Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; huấn luyện dân quân tự vệ và quản lý nhà nước về dân quân tự vệ;

- Cơ quan chủ trì: Bộ Quốc phòng;

- Cơ quan phối hợp: Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng Chính phủ;

- Thời gian trình: tháng 02 năm 2010.

b) Nghị định của Chính phủ quy định về hoạt động của dân quân tự vệ phối hợp với lực lượng Công an cơ sở, lực lượng Kiểm lâm và các lực lượng khác trong bảo vệ an ninh, trật tự; phòng thủ dân sự và bảo vệ rừng:

- Nghị định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 40, khoản 2 Điều 41, khoản 2 Điều 43 Luật Dân quân tự vệ;

- Cơ quan chủ trì: Bộ Quốc phòng;

- Cơ quan phối hợp: Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Chính phủ;

- Thời gian trình: tháng 02 năm 2010.

c) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về kiểu dáng, màu sắc, chất lượng và quản lý, sử dụng trang phục, sao mũ, phù hiệu, giấy chứng nhận của dân quân tự vệ nông cốt:

- Phạm vi điều chỉnh: quy định chi tiết Điều 25 Luật Dân quân tự vệ;

- Cơ quan chủ trì: Bộ Quốc phòng;

- Cơ quan phối hợp: Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng Chính phủ;

- Thời gian trình: tháng 05 năm 2010.

d) Bộ Quốc phòng: chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng 03 Thông tư liên tịch, 17 Thông tư của Bộ Quốc phòng (chi tiết có Phụ lục kèm theo).

đ) Bộ Tài chính: chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan ban hành Thông tư hướng dẫn lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách về công tác dân quân tự vệ. Thời gian hoàn thành: tháng 05 năm 2010.

e) Bộ Tài nguyên và Môi trường: chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan ban hành Thông tư hướng dẫn các địa phương quản lý, sử dụng đất thao trường, bãi tập phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, diễn tập, huấn luyện, hội thi, hội thao lực lượng dân quân tự vệ. Thời gian hoàn thành: tháng 5 năm 2010.

g) Bộ Giáo dục và Đào tạo: chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan ban hành Thông tư về chương trình khung cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở. Thời gian hoàn thành: tháng 03 năm 2010.

C. Xây dựng các đề án thực hiện Luật Dân quân tự vệ

Bộ Quốc phòng: chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng 03 đề án sau:

1. Đề án tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Dân quân tự vệ. Thời gian trình tháng 04 năm 2010.

2. Đề án xây dựng mô hình điểm tổ chức, huấn luyện và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và những giải pháp quản lý dân quân tự vệ. Thời gian trình tháng 05 năm 2010.

3. Đề án đào tạo thí điểm cán bộ quân sự Ban chỉ huy quân sự cấp xã trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở. Thời gian trình tháng 6 năm 2010;

III. KINH PHÍ BẢO ĐẢM

1. Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch dự kiến là: 58.153,51 triệu đồng trong đó:

a) Kinh phí thực hiện các đề án: 54.975,51 triệu đồng.

b) Kinh phí bảo đảm soạn thảo các văn bản, đề án: 3.178,00 triệu đồng.

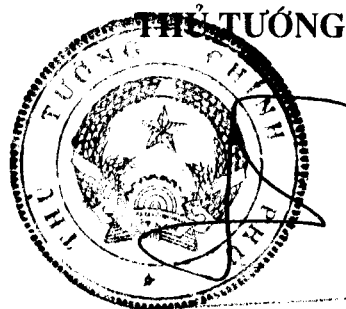
2. Nguồn kinh phí: ngân sách nhà nước bảo đảm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Các cơ quan được giao chủ trì có trách nhiệm hoàn thành sản phẩm, bảo đảm tiến độ và nội dung công việc; các cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia chặt chẽ với cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm bố trí ngân sách thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này./.



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục I

CÁC VĂN BẢN BỘ QUỐC PHÒNG CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 289/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Cơ quan thẩm định	Thời gian trình bộ	Cơ quan trình
1	Thông tư liên tịch Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, hướng dẫn chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ.	Cục DQTV	Các bộ, ngành liên quan	Vụ Pháp chế các Bộ liên quan	04/ 2010	Bộ Tổng tham mưu
2	Thông tư liên tịch Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn mẫu dấu, khắc dấu, quản lý và sử dụng con dấu của Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.	Cục DQTV	Các Bộ, ngành liên quan	Vụ Pháp chế các Bộ liên quan	03/2010	
3	Thông tư liên tịch Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lực lượng dân quân tự vệ phối hợp với lực lượng kiểm lâm trong công tác bảo vệ, phòng, chống cháy rừng.	Cục DQTV	Các Bộ, ngành liên quan	Vụ Pháp chế các Bộ liên quan	04 /2010	
4	Thông tư của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành Luật Dân quân tự vệ, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật Dân quân tự vệ.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ PC/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	03/2010	

TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Cơ quan thẩm định	Thời gian trình bộ	Cơ quan trình
5	Thông tư của Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị quân đội, Ban CHQS Bộ, ngành trung ương thực hiện Luật Dân quân tự vệ và nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thực hiện Luật Dân quân tự vệ.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	04/2010	
6	Thông tư của Bộ Quốc phòng hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong lực lượng dân quân tự vệ.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	03/2010	
7	Thông tư của Bộ Quốc phòng về chương trình bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện dân quân tự vệ nông cốt.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	04/2010	
8	Thông tư của Bộ Quốc phòng ban hành quy chế đào tạo trình độ trung cấp ngành quân sự cơ sở.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	03/2010	
9	Thông tư của Bộ Quốc phòng ban hành chương trình chi tiết đào tạo trung cấp ngành quân sự cơ sở.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	04/2010	
10	Thông tư của Bộ Quốc phòng ban hành chương trình chi tiết đào tạo trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	05/2010	
11	Thông tư của Bộ Quốc phòng ban hành chương trình chi tiết đào tạo trình độ đại học ngành quân sự cơ sở.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	06/2010	

TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Cơ quan thẩm định	Thời gian trình bộ	Cơ quan trình
12	Thông tư của Bộ Quốc phòng ban hành quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	06/2010	
13	Thông tư của Bộ Quốc phòng về chương trình huấn luyện dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ nòng cốt đủ điều kiện chuyển thành quân nhân dự bị hạng một.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	03/2010	
14	Thông tư của Bộ Quốc phòng về ban hành danh mục, định mức vật chất bảo đảm huấn luyện dân quân tự vệ nòng cốt.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	04/2010	
15	Thông tư của Bộ Quốc phòng về việc mở rộng quy mô lực lượng dân quân tự vệ trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu, trạng thái quốc phòng.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	05/2010	
16	Thông tư của Bộ Quốc phòng quy định áp dụng các hình thức kỷ luật, thời hạn, trình tự và thẩm quyền kỷ luật đối với cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	03/2010	
17	Thông tư của Bộ Quốc phòng quy định nội dung, trình tự lập, thông qua và phê chuẩn kế hoạch hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	04/2010	

18	Thông tư của Bộ Quốc phòng quy định nhiệm vụ, nội dung hoạt động của dân quân tự vệ trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu và của sở chỉ huy các cấp về công tác dân quân tự vệ.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP		05/2010	
19	Thông tư của Bộ Quốc phòng về trang bị vũ khí cho lực lượng dân quân tự vệ.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	05/2010	
20	Thông tư của Bộ Quốc phòng về các trường hợp sử dụng trang phục, sao mũ, phù hiệu, giấy chứng nhận của dân quân tự vệ nông cốt.	Cục DQTV	Các cơ quan đơn vị quân đội, Vụ Pháp chế/BQP	Vụ Pháp chế/BQP	03/2010	



Phụ lục II

**KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 289/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (triệu đồng)
A	TỔNG KHAI TOÁN (B+C)	58.153,51
B	KINH PHÍ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN	54.975,51
I	Đề án Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân quân tự vệ	23.650,00
1	Hội nghị tập huấn cán bộ	5.300,00
a	Hội nghị do Bộ Quốc phòng tổ chức (02 hội nghị x 500.000.000đ/hội nghị)	1.000,00
b	Hội nghị do các cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng, các đơn vị quân đội tổ chức (86 đầu mối x 50.000.000đ/đầu mối)	4.300,00
2	Công tác tuyên truyền pháp luật về dân quân tự vệ	18.350,00
2.1	Xây dựng mô hình điểm tuyên truyền cấp xã, phường 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, mỗi tỉnh 1 xã (phường) (63 x 50.000.000đ/1 đơn vị)	3.150,00
2.2	Thi viết tìm hiểu pháp luật về dân quân tự vệ	1.200,00
2.3	Làm phim tài liệu tuyên truyền	2.500,00
2.4	Biên soạn, in ấn hệ thống tài liệu pháp luật về dân quân tự vệ	7.500,00
a	Các văn bản về dân quân tự vệ (40.000 cuốn x 50.000đ/cuốn)	2.000,00
b	Sách "Hỏi, đáp pháp luật" về dân quân tự vệ (40.000 cuốn x 25.000đ/cuốn)	1.000,00
c	Quy định về xây dựng lực lượng tự vệ trong các doanh nghiệp (20.000 cuốn x 20.000đ/cuốn)	400,00
d	Quy định về chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ (20.000 cuốn x 20.000đ/cuốn)	400,00
đ	Sổ tay Ban CHQS Bộ, ngành Trung ương; Ban CHQS cơ quan, tổ chức ở cơ sở (15.000 cuốn x 20.000đ/cuốn)	300,00
e	Sổ tay Ban CHQS cấp xã (20.000 cuốn x 20.000đ/cuốn)	400,00

g	Sổ tay chiến sỹ dân quân tự vệ (1.500.000 chiến sỹ dân quân tự vệ x 30% x 1 chiến sỹ/cuốn x 4.000đ/cuốn)	1.800,00
h	Tập bài giảng pháp luật về dân quân tự vệ (30.000 cuốn x 40.000đ/cuốn)	1.200,00
2.5	Tuyên truyền trên báo chí	2.000,00
2.6	Tuyên truyền trên đài phát thanh	1.000,00
2.7	Tuyên truyền trên đài truyền hình	1.000,00
II	Đề án xây dựng mô hình điểm về tổ chức, huấn luyện và hoạt động của dân quân tự vệ; những giải pháp chủ yếu quản lý dân quân tự vệ giai đoạn 2010 - 2012	17.326,36
1	Xây dựng điểm 07 tiểu đội dân quân thường trực biên giới (mỗi quân khu 01 tiểu đội)	2.469,60
a	Trợ cấp ngày công lao động (10 người/1 tiểu đội x 0,08 x 650.000đ x 365 ngày) x 7 tiểu đội	1.328,60
b	Bảo đảm vật chất huấn luyện (7 tiểu đội x 10.000.000đ/1 tiểu đội)	70,00
c	Bảo đảm nhà ở (45m ² /1 tiểu đội x 3.000.000đ/m ² x 7 tiểu đội)	945,00
d	Bảo đảm phương tiện nghe, nhìn (7 tiểu đội x 5.000.000đ/1 tiểu đội)	35,00
đ	Bảo đảm doanh cụ: 7 tiểu đội x 3.000.000đ/1 tiểu đội	21,00
e	Bảo đảm trang phục (10 người x 02 suất/người/năm x 500.000đ/suất x 7 tiểu đội)	70,00
2	Xây dựng điểm 20 trung đội dân quân cơ động cấp xã; 02 đại đội tự vệ thuộc các doanh nghiệp trên địa bàn 01 huyện của Tây Nguyên	2.713,00
2.1	Bảo đảm hoạt động	1.501,60
a	Trợ cấp ngày công lao động (30 người/1 trung đội x 0,08 x 650.000đ x 18 ngày) x 20 trung đội	561,60
b	Hỗ trợ tiền ăn (30 người/1 trung đội x 30.000đ/người/ngày x 18 ngày) x 20 trung đội	324,00
c	Trang bị mũ bảo hiểm chuyên dụng trong hoạt động chống bạo loạn (30 người/trung đội x 20 trung đội x 300.000đ/cái) + (100 người/đại đội x 02 đại đội x 300.000đ/cái)	240,00
d	Trang bị côn gỗ: (30 người/trung đội x 20 trung đội x 80.000đ/chiếc) + (100 người/đại đội x 02 đại đội x 80.000đ/chiếc)	64,00

đ	Trang bị hàng rào thép gai cơ động chống bạo loạn (06 hàng rào/trung đội x 20 trung đội x 2.000.000đ/hàng rào) + (18 hàng rào/đại đội x 02 đại đội x 2.000.000đ/hàng rào)	312,00
2.2	Bảo đảm huấn luyện	911,40
a	Trợ cấp ngày công lao động (30 người x 0,08 x 650.000đ x 12 ngày) x 20 trung đội	374,40
b	Hỗ trợ tiền ăn (30 người x 30.000đ/người x 12 ngày) x 20 trung đội	216,00
c	Vật chất huấn luyện cho chiến sỹ dân quân (35.000đ/người x 30 người/trung đội x 20 trung đội)	21,00
d	Vật chất huấn luyện cho trung đội dân quân (15.000.000đ/trung đội x 20 trung đội)	300,00
2.3	Bảo đảm trang phục (30 người/trung đội x 01 suất/người x 500.000đ/suất) x 20 trung đội	300,00
3	Xây dựng điểm 02 trung đội tự vệ doanh nghiệp ngoài nhà nước	424,50
3.1	Bảo đảm hoạt động	370,80
a	Hỗ trợ tiền ăn (30 người/1 trung đội x 30.000/người/ngày x 18 ngày) x 20 trung đội	324,00
b	Trang bị mũ bảo hiểm chuyên dụng cho hoạt động chống bạo loạn (30 người/trung đội x 02 trung đội x 300.000đ/cái)	18,00
c	Trang bị côn gỗ (30 người/trung đội x 02 trung đội x 80.000đ/chiếc)	4,80
d	Trang bị hàng rào thép gai cơ động chống bạo loạn (06 hàng rào/trung đội x 02 trung đội x 2.000.000đ/hàng rào)	24,00
3.2	Bảo đảm huấn luyện	53,70
a	Hỗ trợ tiền ăn (30 người/1 trung đội x 30.000 x 12 ngày) x 02 trung đội	21,60
b	Vật chất huấn luyện (35.000đ/chiến sỹ x 30 người/trung đội x 02 trung đội)	2,10
c	Vật chất huấn luyện cho trung đội (15.000.000đ/trung đội x 02 trung đội)	30,00
4	Xây dựng điểm 06 trung đội dân quân biển (khu vực các xã ven biển duyên hải Bắc bộ, Bắc Trung bộ, Trung Trung bộ, Nam Trung bộ, Nam bộ và 1 xã đảo)	1.245,18
4.1	Bảo đảm hoạt động	807,84

a	Trợ cấp ngày công lao động (30 người/1 trung đội x 0,12 x 650.000đ x 18 ngày) x 6 trung đội	210,60
b	Hỗ trợ tiền ăn (30 người/1 trung đội x 41.000đ/người/ngày x 18 ngày) x 6 trung đội	132,84
c	Trang bị máy thông tin ICOM (01chiếc/trung đội x 06 trung đội x 30.000.000đ/chiếc) + (01chiếc/địa phương x 06 địa phương x 30.000.000đ/chiếc)	360,00
d	Trang bị côn gỗ (30 người/trung đội x 6 trung đội x 80.000đ/chiếc)	14,40
đ	Bảo đảm trang phục (30 người/trung đội x 500.000đ/suất x 6 trung đội)	90,00
4.2	Bảo đảm huấn luyện	437,34
a	Trợ cấp ngày công lao động (30 người/1 trung đội x 0,12 x 650.000đ x 12 ngày) x 6 trung đội	168,48
b	Hỗ trợ tiền ăn (30 người/1 trung đội x 41.000đ/người/ngày x 12 ngày) x 6 trung đội	88,56
c	Vật chất huấn luyện cho chiến sỹ (35.000đ/người x 30 người/trung đội x 6 trung đội)	6,30
d	Vật chất huấn luyện cho đơn vị (15.000.000đ/trung đội x 6 trung đội)	90,00
đ	Phao cắm bia phục vụ huấn luyện (2 chiếc/trung đội x 6 trung đội x 3.000.000đ/chiếc)	36,00
e	Dầu diesel phục vụ huấn luyện (500 kg/1 trung đội x 6 trung đội x 16.000đ/kg)	48,00
5	Tổ chức huấn luyện thí điểm 03 đại đội dân quân (đại diện 3 miền Bắc, Trung, Nam) đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia DQTV nông cốt đủ điều kiện chuyển thành quân nhân dự bị hạng 1	2.292,00
5.1	Công tác xét tuyển (5.000.000đ/địa phương x 3)	15,00
5.2	Bảo đảm huấn luyện	2.277,00
a	Trợ cấp ngày công lao động (100 người/1 đại đội x 0,08 x 650.000đ x 90 ngày) x 03 đại đội	1.404,00
b	Hỗ trợ tiền ăn (100 người/1 đại đội x 30.000đ/người/ngày x 90 ngày) x 03 đại đội	810,00
c	Vật chất huấn luyện cho chiến sỹ (60.000đ/người x 100 người/1 đại đội x 03 đại đội)	18,00
d	Vật chất huấn luyện cho đại đội (15.000.000đ/đại đội x 03 đại đội)	45,00

6	Xây dựng điểm 03 Ban chỉ huy quân sự (01 Bộ, ngành Trung ương; 01 Sở, ngành địa phương; 01 đơn vị sự nghiệp thành viên)	900,00
6.1	Quản triệt các văn bản, kiện toàn tổ chức biên chế (3 Ban chỉ huy x 10.000.000đ/BCH)	30,00
6.2	Đăng ký, quản lý tự vệ, dự bị động viên, nguồn SSNN (3 Ban chỉ huy x 30.000.000đ/BCH)	90,00
6.3	Công tác xây dựng đảng, giáo dục chính trị (3 Ban chỉ huy x 30.000.000đ/BCH)	90,00
6.4	Giao ban định kỳ (tháng, quý) (3 Ban chỉ huy x 20.000.000đ/BCH)	60,00
6.5	Xây dựng các văn kiện công tác quốc phòng, quân sự (3 Ban chỉ huy x 10 VK x 3.000.000đ/VK)	90,00
6.6	Tổ chức hội thi, hội thao các đơn vị tự vệ (3 Ban chỉ huy x 150.000.000đ/BCH)	450,00
6.7	Sơ kết 6 tháng, tổng kết năm (3 Ban chỉ huy x 30.000.000đ/BCH)	90,00
7	Những giải pháp chủ yếu quản lý dân quân tự vệ giai đoạn 2010 - 2012	4.082,08
7.1	Xây dựng phần mềm quản lý dân quân tự vệ	500
7.2	Tổ chức tập huấn cán bộ cơ quan làm công tác dân quân tự vệ	500
7.3	Hoàn thiện, in ấn mẫu biểu thống kê, giấy chứng nhận, sổ sách quản lý DQTV (cấp phát lần đầu)	3.082,08
a	Sổ đăng ký công dân trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ: (11.030 xã x 02 cuốn/xã x 13.000đ/cuốn) + (10.000 cơ sở tự vệ x 02 cuốn/ cơ sở x 13.000đ/ cuốn)	546,78
b	Sổ đăng ký quân số VKTB DQTV nông cốt (11.030 xã x 01 cuốn/xã x 10.000đ/cuốn) + (10.000 cơ sở tự vệ x 01 cuốn/cơ sở x 10.000đ/cuốn)	210,30
c	Giấy chứng nhận dân quân tự vệ nông cốt (1.350.000 DQTV nông cốt x 01 tờ/đồng chí x 1.000đ/tờ)	1.350,00
d	Giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ DQTV nông cốt (1.500.000 DQTV nông cốt x 30% x 1.500đ/tờ)	675,00
đ	Giấy phép sử dụng vũ khí (300.000 tờ x 1.000đ/tờ)	300,00

8	Sản xuất mẫu trang phục cho 680 Ban CHQS cấp xã, 62 Bộ CHQS cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, 56 Ban CHQS Bộ, ngành Trung ương và một số đơn vị (gần 1.000 đầu mỗi)	3.200,00
8.1	1.000 đầu mỗi x 01 suất trang phục cán bộ nam x 750.000đ/suất	750,00
8.2	1.000 đầu mỗi x 01 suất trang phục cán bộ nữ x 750.000đ/suất	750,00
8.3	1.000 đầu mỗi x 01 suất trang phục chiến sỹ nam x 500.000đ/suất	500,00
8.4	1.000 đầu mỗi x 01 suất trang phục chiến sỹ nữ x 500.000đ/suất	500,00
8.5	1.000 đầu mỗi x 01 định xuất quân trang dùng chung/đầu mỗi x 700.000đ/định xuất	700,00
III	Đề án đào tạo thí điểm cán bộ quân sự Ban CHQS cấp xã trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở (mỗi loại hình đào tạo mở 1 lớp 70 học viên)	13.999,15
1	Loại hình đào tạo trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở từ cán bộ nguồn tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, thời gian 36 tháng (từ tháng 9 năm 2010 đến tháng 9 năm 2013)	4.152,40
a	Bảo đảm xây dựng chương trình, giáo trình	400,00
b	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên	180,00
c	Bảo đảm văn phòng phẩm, tài liệu học tập cho học viên (70 hv x 650.000đ/hv)	45,50
d	Chi ăn thường xuyên cho học viên (70 hv x 30.000 đ/ngày/người x 30 ngày/tháng x 36 tháng)	2.268,00
đ	Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng (70 hv x 250.000đ/hv/tháng x 36 tháng)	630,00
e	Hỗ trợ tàu xe (70 hv x 6 học kỳ x 45.000đ/hv/học kỳ)	18,90
g	Hỗ trợ bảo đảm giảng đường, thao trường, bãi tập, điện nước	300,00
h	Bảo đảm khai giảng, bế giảng, rút kinh nghiệm	10,00
2	Loại hình đào tạo trình độ đại học ngành quân sự cơ sở từ cán bộ nguồn tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, thời gian 48 tháng (từ tháng 9 năm 2010 đến tháng 9 năm 2014)	5.128,70
a	Bảo đảm xây dựng chương trình, giáo trình	500,00
b	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên	270,00
c	Bảo đảm văn phòng phẩm, tài liệu học tập cho học viên (70 hv x 850.000đ/hv)	59,50

d	Chi ăn thường xuyên cho học viên (70 hv x 30.000đ/ngày/người x 30 ngày/tháng x 48 tháng)	3.024,00
đ	Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng (70 hv x 250.000đ/hv/tháng x 48 tháng)	840,00
e	Hỗ trợ tàu xe (70 hv x 8 học kỳ x 45.000đ/hv/học kỳ)	25,20
g	Hỗ trợ bảo đảm giảng đường, thao trường, bãi tập, điện nước	400,00
h	Bảo đảm khai giảng, bế giảng, rút kinh nghiệm	10,00
3	Loại hình đào tạo liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở, thời gian 18 tháng (từ tháng 9 năm 2010 đến tháng 3 năm 2012)	2.093,45
a	Bảo đảm xây dựng chương trình, giáo trình	300,00
b	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên	90,00
c	Bảo đảm văn phòng phẩm, tài liệu học tập cho học viên (70 hv x 500.000đ/hv)	35,00
d	Chi ăn thường xuyên cho học viên (70 hv x 30.000 đ/ngày/người x 30 ngày/tháng x 18 tháng)	1.134,00
đ	Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng (70 hv x 250.000đ/hv/tháng x 18 tháng)	315,00
e	Hỗ trợ tàu xe (70 hv x 3 học kỳ x 45.000đ/hv/học kỳ)	9,45
g	Hỗ trợ bảo đảm giảng đường, thao trường, bãi tập, điện nước	200,00
h	Bảo đảm khai giảng, bế giảng, rút kinh nghiệm	10,00
4	Loại hình đào tạo liên thông từ cao đẳng chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở lên đại học ngành quân sự cơ sở, thời gian 24 tháng (từ tháng 9 năm 2012 đến tháng 9 năm 2014)	2.624,60
a	Bảo đảm xây dựng chương trình, giáo trình	300,00
b	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên	135,00
c	Bảo đảm văn phòng phẩm, tài liệu học tập cho học viên (70 hv x 500.000đ/hv)	35,00
d	Chi ăn thường xuyên cho học viên (70 hv x 30.000 đ/ngày/người x 30 ngày/tháng x 24 tháng)	1.512,00
đ	Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng (70 hv x 250.000đ/hv/tháng x 24 tháng)	420,00
e	Hỗ trợ tàu xe (70 hv x 4 học kỳ x 45.000đ/hv/học kỳ)	12,60

g	Hỗ trợ bảo đảm giảng đường, thao trường, bãi tập, điện nước	200,00
h	Bảo đảm khai giảng, bế giảng, rút kinh nghiệm	10,00
C	KINH PHÍ BẢO ĐẢM SOẠN THẢO CÁC VĂN BẢN VÀ ĐỀ ÁN	3.178,00
I	Bảo đảm soạn thảo các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng chính phủ, Thông tư, Thông tư Liên tịch của các Bộ	1.075,00
1	Khảo sát, thu thập số liệu, hội thảo xin ý kiến các địa phương, cơ quan, đơn vị	800,00
a	Khảo sát, thu thập số liệu tại các địa phương, cơ quan, đơn vị (20 địa phương, cơ quan, đơn vị x 4.000.000đ/đơn vị)	80,00
b	Hội thảo với các địa phương, doanh nghiệp (20 đơn vị x 30.000.000đ/đơn vị)	600,00
c	Xin ý kiến các địa phương, cơ quan, tổ chức (60 đầu mối x 200.000đ/đầu mối x 10 văn bản)	120,00
2	Soạn thảo 02 Nghị định của Chính phủ, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (3 văn bản x 15.000.000đ/văn bản)	45,00
3	Soạn thảo 23 Thông tư, Thông tư Liên tịch (23 x 10.000.000đ/văn bản)	230,00
II	Bảo đảm soạn thảo các đề án	2.103,00
1	Điều tra khảo sát, thu thập số liệu (3 đề án x 200.000.000đ/đề án)	600,00
2	Xây dựng đề cương (3 đề án x 7.000.000đ/đề án)	21,00
3	Bảo đảm hội thảo (20 địa phương x 15.000.000đ/địa phương x 3 đề án)	900,00
4	Xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, cơ sở (80 đầu mối x 300.000đ/đầu mối x 3 đề án)	72,00
5	Tiếp thu ý kiến, chỉnh lý đề án (3 đề án x 30.000.000đ/đề án)	90,00
6	Thẩm định đề án (3 đề án x 20.000.000đ/đề án)	60,00
7	Bảo đảm cơ động, công tác phí (3 đề án x 60.000.000đ/đề án)	180,00
8	Bảo đảm vật chất (3 đề án x 60.000.000đ/đề án)	180,00